

Số: /GPMT-UBND *Mường La, ngày tháng 12 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 09/02/2022 của UBND
huyện Mường La về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường La;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần cấp
nước Sơn La tại Công văn số 862/CV-CNSL ngày 11/12/2024 về việc đề nghị
cấp giấy phép môi trường trạm Nà Lóc - Chi nhánh cấp nước Mường La và hồ
sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
451/TTr-TNMT ngày 30/12/2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La, địa chỉ tại Số 55,
đường Tô Hiệu, Tổ 5, Phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La được
thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Chi nhánh cấp nước
Mường La tại Trạm Nà Lóc, bản Nà Lóc, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh
Sơn La với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trạm Nà Lóc - Chi nhánh cấp nước Mường La.

1.2. Địa điểm hoạt động: Trạm Nà Lóc, bản Nà Lóc, thị trấn Ít Ong, huyện
Mường La, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 5500154649 Cấp lần đầu ngày 18/04/2005; Cấp thay đổi lần thứ 7, ngày 7 tháng 1 năm 2021. Cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

1.4. Mã số thuế: Số 5500154649.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Trạm Nà Lốc, bản Nà Lốc, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Quy mô: Diện tích sử dụng đất: 990 m². Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất của cơ sở: Trạm cấp nước Nà Lốc khai thác và xử lý nước từ nguồn nước mặt suối Hua Nậm và nguồn nước dưới đất mỏ Nong Heo (*là nguồn dự phòng*) với tổng công suất 2.200 m³/ngày đêm. (*Nguồn nước suối Hua Nậm: 1.200 m³/ngày đêm; nguồn nước dưới đất mỏ Nong Heo: 1.000 m³/ngày đêm*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*từ ngày tháng 12 năm 2024 đến ngày tháng 12 năm 2034*).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch; Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị trấn Ít Ong;
- Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La;
- Công Thông tin điện tử huyện Mường La;
- Lưu: VT, TNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tâm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Mường La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: Nước thải sản xuất.
- Nguồn 02: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải sản xuất: Suối Nặm Păm, bản Hua Nặm, xã Nặm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- Nước thải sinh hoạt: Suối Nặm Păm, bản Hua Nặm, xã Nặm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sản xuất: Rãnh thoát nước chung cách trạm 2m trên tỉnh lộ 109 tại Trạm Nà Lốc, bản Nà Lốc, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Tọa độ VN 2000 (kinh tuyến 104^0 , múi chiều 3^0 : X= 2382753; Y= 502688).
- Nước thải sinh hoạt: Rãnh thoát nước chung cách trạm 5m trên tỉnh lộ 109 Trạm Nà Lốc, bản Nà Lốc, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Tọa độ VN 2000 (kinh tuyến 104^0 , múi chiều 3^0 : X= 2382756; Y= 502690).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất

- Nước thải sản xuất: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $24 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $0,08 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sản xuất: Được thu gom vào bể lắng để xử lý. Bể xử lý nước thải sản xuất gồm 3 ngăn. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn chảy theo rãnh thu có kích thước (BxLxH) = 30cm x 15m x 30cm chảy vào nguồn tiếp nhận. Phương thức xả thải tự chảy.

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn 5 m^3 sau đó được dẫn theo ống dẫn nước thải PVC D 110 thải ra rãnh thoát nước chung của khu vực. Phương thức xả thải tự chảy.

- 2.3.2. Chế độ xả nước thải nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt:
Liên tục

2.3.3. Chất lượng nước thải sản xuất trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN40: 2011/BTNMT Cột B-C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Màu	Pt/Co	150	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục hoặc quan trắc định kỳ theo điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
2	pH	-	5,5-9	
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54	
4	COD	mg/l	162	
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108	
6	Asen	mg/l	0,108	
7	Đồng	mg/l	2,16	
8	Kẽm	mg/l	3,24	
9	Niken	mg/l	0,54	
10	Mangan	mg/l	1,08	
11	Sắt	mg/l	5,4	
12	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8	
13	Tổng nitơ	mg/l	43,2	
14	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6,48	
15	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000	

- Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột B-C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục hoặc quan trắc định kỳ theo điều 97
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột B-C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000	

Ghi chú:

- Nước thải sản xuất: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp Cột B quy định giá trị C. C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải. Giá trị C được áp dụng tại cột B để làm cơ sở tính toán. K_q = 0,9 Khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương. (K_f = 1,2 Lưu lượng nguồn thải F ≤ 50). Đối với thông số màu, pH, coliform C_{max} = C.

- Nước thải sinh hoạt: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14: 2008/BTNMT cột B- C_{max} với K = 1,2; Đối với các thông số pH, Tổng Coliforms áp dụng C_{max} = C.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- **Đối với nước mưa chảy tràn:** Nước mưa chảy tràn bề mặt được thu gom qua hệ thống máng thu trên mái nhà chảy xuống sân theo chiều nghiêng

của mặt sân. Nước mưa theo chiều cao của trạm chảy theo cống ra vào và chảy ra đường. Máng thu nước mưa có kích thước (BxLxH)= 0,1m x 25m x 0,1m được chảy qua ống PVC 63, máng thu thường xuyên được nạo vét để tránh tắc dòng chảy.

- **Đối với nước thải sinh hoạt:** Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Trạm được thu gom ngay tại nhà vệ sinh riêng và đưa vào hệ thống bể phốt 3 ngăn qua các hệ thống ống dẫn D 110 để xử lý sơ bộ.

- **Đối với nước thải sản xuất:** Phát sinh từ các công đoạn xử lý nước của hệ thống lắng la men và bình lọc áp lực. Toàn bộ lượng nước thải sẽ được thu gom qua rãnh bê tông cốt thép sau đó qua song chắn rác về bể lắng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

Tại trạm cấp nước xây dựng 1 bể tự hoại thể tích 5 m³ kích thước (2,5m x 2m x 1m). Chất thải sau khi vệ sinh sẽ theo đường ống của bồn cầu chảy xuống ngăn chứa của bể phốt và chúng sẽ được phân hủy ngay tại đây.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất thu gom vào bể lắng để xử lý. Bể xử lý nước thải sản xuất gồm 3 ngăn. Nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn theo mương thải chảy ra ngoài bằng đường ống.

- **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:** Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

Đảm bảo tách riêng hệ thống thu gom thoát nước mưa với hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường.

3.3. Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, nguồn nước.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Mường La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Bồn lọc áp lực.
- Nguồn số 02: Trạm bơm cấp nước.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn phân tán hoặc di động) trong khuôn viên cơ sở tại trạm Nà Lóc, bản Nà Lóc, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT		Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 26:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dBA	70	55

2.2. Độ rung:

TT		Đơn vị	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 6h - 21h)	QCVN 27:2010/BTNMT (từ 21h - 6h)
1	Khu vực thông thường	dB	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang thiết bị, phương tiện sản xuất được trang bị, lắp đặt theo đúng thiết kế. Quản lý chặt chẽ việc vận hành các máy móc, thiết bị theo đúng quy trình kỹ thuật. Lắp đặt đế cao su để giảm độ rung, độ ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh cơ sở nhằm giảm ồn, bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Mường La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Bùn thải từ bể tự hoại: Thuê đơn vị có chức năng đến để hút, vận chuyển đi xử lý.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: 6,6 kg/ngày. Định kỳ 6 tháng/1 lần sẽ thực hiện nạo vét, làm sạch hệ thống lắng.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Cơ sở sẽ bố trí 03 thùng rác dung tích 50 lít; công nhân trực thực hiện phân loại, vận chuyển 01 lần/ngày đến vị trí tập kết của địa phương.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của UBND huyện Mường La)

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở.
- Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.
- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
- Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La chịu mọi trách nhiệm theo quy định pháp luật nếu để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phối hợp với cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương giải quyết những kiến nghị, khiếu nại về môi trường do ảnh hưởng của Trạm cấp nước.
- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc, phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động; thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.
- Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường hoàn thành và vận hành theo đúng quy định.
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của cơ sở.
- Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải nêu trên cho đơn vị có chức năng xử lý./.